

Số: 147/2026/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 04 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 152/2026/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2026, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Ngô Thị L, sinh ngày 14/9/1988; số định danh cá nhân: 046188008654; địa chỉ: Tổ dân phố Tây Phú - P, phường P, thành phố H.

- Anh Lê Thế P, sinh ngày 07/3/1989; số định danh cá nhân: 054089009703; địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Đắk Lắk.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 24 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Huế nhận định;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Lê Thế P đăng ký kết hôn ngày 20/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Đắk Lắk) trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh P là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Nay không quan tâm nhau, không yêu thương nhau, không còn tình cảm gì với nhau nữa. Chị L và anh P yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh P đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc

thuận tình ly hôn giữa chị L và anh P là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh P.

[2] Về con chung: Có 01 người con chung, tên là: Ngô Quốc H, sinh ngày 14/7/2010.

Hai bên thỏa thuận giao cháu Ngô Quốc H cho chị Ngô Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H đủ 18 tuổi; Anh Lê Thế P đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh P tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Tại biên bản hoà giải ngày 24 tháng 4 năm 2026, hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, thoả thuận với nhau về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thoả thuận về lệ phí. Việc thoả thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Lê Thế P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Quốc H, sinh ngày 14/7/2010 cho chị Ngô Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H đủ 18 tuổi;

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngô Thị L và anh Lê Thế P thoả thuận anh P đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Anh Lê Thế P có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thoả thuận anh P chịu 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0001239 ngày 16/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H; anh P đã nộp đủ lệ

phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND xã Hòa Mỹ, tỉnh Đắk Lắk;  
(ĐK kết hôn số 07 ngày 20/01/2010);
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Phan Sang**